

## NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ, HÀNH VI XẢ RÁC CỦA NGƯỜI DÂN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN THỊ KIM HOA\*  
ĐINH PHƯƠNG LINH\*\*

### 1. Mở đầu

Việt Nam đang được đánh giá là một quốc gia đầy tiềm năng của khu vực Đông Nam Á, ngày càng thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài cũng như khẳng định được vị thế trên trường quốc tế. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam hiện nay là làm thế nào để vừa phát triển kinh tế - xã hội, vừa đảm bảo được sự phát triển bền vững. Nhiều quốc gia trên thế giới, sau khi phấn đấu đạt được mục tiêu phát triển kinh tế đã phải bỏ rất nhiều công sức và tiền bạc để giải quyết những hạn chế của sự phát triển không bền vững. Một trong những hạn chế rõ rệt và phổ biến nhất chính là vấn đề rác thải và ô nhiễm môi trường. Theo số liệu thống kê của Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường (2013), hiện nay tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam ước tính khoảng 12,8 triệu tấn/năm, trong đó khu vực đô thị là 6,9 triệu tấn/năm (chiếm 54%) lượng chất thải rắn còn lại tập trung tại các huyện lỵ, thị xã, thị trấn. Dự báo tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị đến năm 2020 sẽ là khoảng 22 triệu tấn/năm. Như vậy, với lượng gia tăng chất thải rắn sinh hoạt như trên thì nguy cơ ô nhiễm môi trường và tác động tới sức khỏe cộng đồng là rất đáng báo động (Thụy Anh, 2014).

Bài viết này nhằm mục đích phân tích nhận thức, thái độ hành vi xả rác của người dân đô thị thành phố Hà Nội như là yếu tố có ảnh hưởng lớn nhất đến hiện trạng rác thải tại đô thị thành phố Hà Nội, từ đó đưa ra những khuyến nghị giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý rác thải dựa vào cộng đồng hiện nay. Bài viết sử dụng dữ liệu định lượng và định tính liên quan đến hành vi xả rác của hai nhóm đối tượng là người dân tại Hà Nội và người dân ngoại tỉnh di cư vào Hà Nội của đề tài “Nhận thức, thái độ, hành vi xả rác của người dân đô thị Hà Nội, xây dựng giải pháp dựa trên kinh nghiệm của thành phố San Jose, California, Mỹ” do Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học San Jose State phối hợp thực hiện và được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted).

Bài viết này sử dụng một phần số liệu của đề tài nghiên cứu, phỏng vấn người dân tại 3 phường trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội là phường Hàng Mã, phường Hàng Bài và phường Chương Dương. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên được

\* PGS.TS, Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

\*\* ThS, Khoa Xã hội học, Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

lựa chọn áp dụng. Các phương pháp nghiên cứu xã hội học cụ thể bao gồm: điều tra bằng phiếu điều tra (300 phiếu điều tra người dân tại Hà Nội và 100 phiếu điều tra người ngoại tỉnh di cư vào Hà Nội); phỏng vấn sâu (20 cán bộ các ban ngành đoàn thể cấp phường, 20 đại diện hộ kinh doanh buôn bán, 10 người bán hàng rong tại Hà Nội; thảo luận nhóm tập trung (3 nhóm cán bộ công nhân viên các ngành đoàn thể cấp phường, 3 nhóm tổ trưởng tổ dân phố). Ngoài ra, nghiên cứu cũng phân tích các văn bản luật liên quan đến bảo vệ môi trường tại Việt Nam, các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

## **2. Nhận thức, thái độ, hành vi xả rác của người dân đô thị thành phố Hà Nội**

### ***Nhận thức***

Nhận thức về tầm quan trọng của môi trường là nền tảng cho những hoạt động bảo vệ môi trường của người dân. Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên là mối quan hệ trực tiếp và biện chứng. Bởi thế, không ngạc nhiên khi hầu hết người dân được hỏi đều nhận thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự tồn tại và sinh sống của họ, cũng như ý nghĩa của việc xả rác đúng nơi quy định đối với việc bảo vệ môi trường. Qua điều tra, tỉ lệ người dân cho rằng việc xả rác đúng nơi quy định là quan trọng/rất quan trọng chiếm gần 97%, có giá trị trung bình là 4,68 ở mức ý nghĩa rất quan trọng.

*“Ảnh hưởng hệ lụy chính là rác rất bẩn, đường phố không được sạch sẽ, ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống ở đây”.*

(PVS, nam, 42 tuổi, nhân viên xí nghiệp)

*“.... Rác thải sinh ra rất nhiều ô nhiễm môi trường, về đường hô hấp rất không tốt, chi nghĩ như thế vừa không đảm bảo thẩm mỹ của đường phố, sức khỏe của con người cũng bị ảnh hưởng”.*

(PVS, nữ, 30 tuổi, phiên dịch viên)

Tỉ lệ người dân không biết về những quy định về xả rác tương đối cao, tỉ lệ người biết rõ rất thấp (cụ thể: với những quy định về việc xả rác trong Luật thủ đô năm 2012, tỉ lệ biết rõ là 8,3 %; luật bảo vệ môi trường về xả rác là 6,5%; nghị định 73 - quy định xử phạt trong việc vi phạm hành chính là 10,3%). Phần lớn những người biết rõ về các quy định nói trên tập trung ở nhóm có trình độ bậc trung cấp, cao đẳng trở lên, đặc biệt là người có trình độ đại học và trên đại học (chiếm 74%). Tỉ lệ người dân không biết về những quy định đó tập trung nhiều ở nhóm có trình độ trung học phổ thông trở xuống.

### ***Thái độ***

Theo như kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Kim Hoa (2014), hơn 85% số người dân được hỏi tại Hà Nội trả lời rằng họ lo lắng và rất lo lắng trước những ảnh hưởng của việc xả rác không đúng nơi quy định gây ra. Giá trị trung bình mean: 4,24 (>4,21) đạt mức ý nghĩa “rất lo lắng”. Nữ giới có thái độ rất lo lắng (trung bình mean 4,29 >4,21) trong khi nam giới chỉ dừng lại ở thái độ lo lắng (trung bình mean 4,04 ở mức ý nghĩa lo lắng). Tỉ lệ người dân ở phường Chương Dương có thái độ lo lắng/rất lo lắng cao nhất

(90,8%), ở phường Hàng Mã thấp nhất (gần 80%), cụ thể, đối với 2 phường Chương Dương, Hàng Bài, thái độ của người dân ở mức “rất lo lắng”, trong khi thái độ của người dân tại địa bàn phường Hàng Mã chỉ ở mức độ “lo lắng” (4,04).

Theo Cialdini và cộng sự (1990), hành vi xả rác xảy ra nhiều hơn ở những nơi vốn sẵn nhiều rác thải, và nếu một người trông thấy những người khác xả rác thì bản thân họ sẽ cảm thấy muốn xả rác hơn, các rào cản đạo đức suy yếu đi và người đó có cảm giác hành động của mình là chấp nhận được. Tức là, biểu hiện của cá nhân trong tình huống thấy người khác xả rác cho thấy nền tảng ý thức môi trường của họ có vững vàng hay không.

Người dân có phản ứng đa dạng khi nhìn thấy hành vi xả rác của người khác, trong đó có bộ phận đáng kể là cảm thấy khó chịu và nhắc nhở trước hành vi nhỏ nhưng gây hại cho cuộc sống xã hội.

*“Nếu nhìn thấy mà chướng tai gai mắt quá thì cũng nói thôi. Chứ thực ra việc đấy nhiều lắm, mình không nhiều thời gian lắm để ý đến... Đi qua nhìn thấy thì nói, không thì thôi, thời gian đâu cứ ngồi và để ý những cái việc đấy... Có người cũng bực, người ta có lên án đấy... nhưng xong cũng chả ai nhật cả, mà cũng chả ai không vứt cả...”*

(PVS, nam, 42 tuổi, nhân viên xí nghiệp)

*“...Cứ buổi sáng thứ 7, chủ nhật có mấy người đeo băng đỏ đi qua đi lại, nhìn nhìn chỉ chỉ rác nhà này nhà kia nhưng họ cũng không muốn mất lòng nên cũng góp ý nhẹ nhàng thôi”*

(PVS, nam, 67, phường Chương Dương)

Cũng có những ý kiến cho rằng, nếu bắt gặp người xả rác thì bắt buộc họ phải nhật lại, mang đi chỗ khác hoặc là tự mình làm công việc đó:

*“Cô sẽ mắng người ta, và bắt người ta phải mang đi....”* (PVS, nữ 42 tuổi, kinh doanh)

*“Có những người đi đường người ta xả rác ra mà tôi nhìn thấy thì tôi cũng nhật hoặc hút đi...”* (PVS, nam 67 tuổi, phường Chương Dương)

Nhưng số người có những phản ứng mạnh, trực tiếp đối với việc xả rác bừa bãi không phải là nhiều. Vậy tại sao người dân dù khó chịu nhưng vẫn có người không quan tâm, không nhắc nhở? Có nhiều lí do khách quan, chủ quan dẫn tới phản ứng trên ở người dân. Tâm lý thờ ơ, bàng quan trước những chuyện “không liên quan đến mình” có lẽ là nguyên nhân chủ đạo. Rất dễ để một ai đó trả lời rằng “tôi quan tâm đến môi trường”, “tôi thấy rác thải có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường”, “tôi lên án việc xả rác không đúng nơi quy định”. Nhưng bao nhiêu người thực sự quan tâm, thực sự nhìn thấy những nguy cơ rủi ro đối với chính bản thân họ trong mỗi hành động xả rác sai quy định ở người khác, và thể hiện thành hành động ngăn cản để bảo vệ chính mình và những người xung quanh vẫn luôn là cốt lõi của mọi hoạt động.

**Bảng 1. Thái độ của người dân đối với hành vi xả rác bừa bãi trong một số trường hợp**

Đơn vị: %

Thái độ của người dân	Rác xung quanh nơi ăn uống	Rác bừa bãi trong chợ	Rác bừa bãi trên lề đường	Rác tại cửa ngõ/ cửa nhà
Không khó chịu	4	5	1	0
Ít khó chịu	6	17	20	1
Bình thường	26	71	58	19
Khó chịu	94	144	167	96
Rất khó chịu	270	163	154	283
Mean (Trung bình)	4,55	4,11	4,13	4,78

Nguồn: Nguyễn Thị Kim Hoa, 2014.

Phản ứng chung của người được hỏi về vấn đề này là “khó chịu” và đặc biệt là “rất khó chịu” khi thấy rác vứt tại cửa nhà/ngõ (71%), cao nhất trong bốn trường hợp. Đối với trường hợp có rác bừa bãi trong chợ, tỷ lệ “rất khó chịu” giảm chỉ là 40,75%, và đối với rác vứt bên lề đường là 38,5%; thấp hơn nhiều so với hai trường hợp trên. Đặc biệt giá trị trung bình (mean) với trường hợp “rác tại ngõ/cửa nhà” có hệ số cao nhất 4,78; “rác xung quanh nơi ăn uống” là 4,55 - đều đạt mức ý nghĩa rất khó chịu, trong khi hệ số trung bình của hai trường hợp còn lại đều nhỏ hơn 4,21 và ở mức đánh giá là khó chịu. Tóm lại, đối với việc có rác tại nơi ăn uống và cửa nhà có thể ảnh hưởng trực tiếp đến bản thân, người dân thể hiện sự khó chịu cao hơn so với trường hợp có rác tại chợ, lề đường.

### **Hành vi**

Trong quá trình điều tra, chúng tôi nhận thấy một số khu phố có thùng rác công cộng, ví dụ như tại cụm 1, 2 ở phường Chương Dương... Nhưng ở những khu dân cư khác lại không có hoặc có rất ít thùng rác công cộng. Hình thức thu gom rác trực tiếp tại cửa nhà chỉ diễn ra tại những nhà ở mặt đường hoặc tại nhà có thùng rác công cộng trước cửa nhà, với các hộ trong ngõ thì có xe rác nhỏ thu gom theo giờ. Vì thế, hình thức xả rác của người dân khác nhau ở nhiều khu vực, đa dạng về cách thức.

**Bảng 2. Một số hình thức xả rác của người dân theo khu vực phường, nơi cư trú**

Đơn vị: %

Hình thức	N=400	Khu vực phường			Nơi cư trú	
		Chương Dương	Hàng Mã	Hàng Bài	Quận Hoàn Kiếm	Nơi khác
Đặt trước cửa nhà nhân viên vệ sinh đến thu gom	42,5	13,1 17	45,0 63	69,2 90	41,3 124	46,0 46
Đổ vào thùng rác công cộng	28,3	18,5 24	30,7 43	35,4 46	28,0 84	29,0 29
Đề thành đồng ở lề/ góc đường/ ngõ/ngách	51,0	51,5 67	42,1 59	60,0 78	49,7 149	55,0 55
Chờ tín hiệu báo đỏ rác rồi mang đi đổ	64,0	82,3 107	71,4 100	37,7 49	67,3 202	54,0 54
Vứt ra sông hồ...	4,8	13,8 18	0,0 0	0,8 1	6,0 18	1,0 1

Nguồn: Nguyễn Thị Kim Hoa, 2014.

Có thể thấy, người dân sống tại 3 phường thuộc khu vực quận Hoàn Kiếm có hình thức xả rác chủ yếu là chờ tín hiệu báo đỏ rác rồi mang đi đổ (64%). Hình thức này xuất hiện phổ biến tại khu vực phường Chương Dương (82,3%) và phường Hàng Mã (71,4%). Tỷ lệ người dân xả rác vào thùng rác công cộng chỉ chiếm 28,3%, nhiều nhất tại Hàng Bài (35,4%) và Hàng Mã (30,7%), trong khi tại phường Chương Dương, hình thức này ít hơn nhiều, có thể vì trên địa bàn phường Hàng Mã, Hàng Bài là trung tâm tập trung nhiều đường phố, địa điểm du lịch nên sự bố trí thùng rác công cộng nhiều hơn, so với tại phường Chương Dương là khu vực ven sông.

Một điều đáng chú ý rằng, vẫn còn hiện tượng xả rác ra sông, hồ..., mặc dù không nhiều (4,8%) và chủ yếu tập trung tại khu vực phường Chương Dương. Điều này có thể là do phường Chương Dương có sông Hồng chảy qua, nên nhiều người dân “tiện đâu vứt đó”. Hình thức xả rác được người dân thực hiện tương đối phổ biến (đứng thứ 2) là “đề thành đồng ở lề/góc đường/ngõ/ngách” (51%), cao nhất tại phường Hàng Bài, thấp nhất tại phường Hàng Mã. Đây là hình thức xả rác tồn tại đã khá lâu ở Việt Nam, người dân bỏ rác trực tiếp vào đồng rác, nơi tập kết rác ở lề đường phố hoặc có khi là ngay giữa đường.

Theo như nghị định 73/2010/NĐ - CP quy định: “Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi đổ chất thải, chất bẩn hoặc các chất khác làm hoen bẩn nhà ở, cơ quan, trụ sở làm việc, nơi sản xuất, kinh doanh của người khác”; “Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối hành vi vứt rác, xác động vật hoặc bất cứ vật gì khác ra nơi công cộng, phạt vứt rác hay đổ rác ra bất cứ nơi công cộng”; Luật Bảo vệ môi trường 2005 điều 52: “cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy

định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh ở nơi công cộng; đổ, bỏ rác vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải”... Theo đó, việc đổ rác thành đồng ở các góc đường, ngõ vốn phổ biến tại Việt Nam, trên thực tế, lại là vi phạm luật pháp. Số liệu điều tra của nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, đa số người dân được hỏi chưa có được sự tiếp cận thực sự với những văn bản pháp luật liên quan đến vấn đề xả rác. Số người tự đánh giá là mình biết rõ về những quy định pháp luật này thường ở trong nhóm có trình độ học vấn cao hoặc có nơi cư trú ổn định tại địa phương. Điều này đặt ra một câu hỏi lớn cho công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật tại địa phương. Việc phổ biến luật luôn được quy định rất rõ trong các công văn từ cấp trung ương chuyển đến từng địa phương. Theo đúng quy trình được đặt ra đó, đáng lẽ người dân phải nắm được những nội dung cơ bản của luật để có thể ở một chừng mực nào đó, điều chỉnh được hành vi của mình không đi trái luật. Việc đa số những người nắm rõ luật, quy định liên quan đến xả rác thuộc nhóm có trình độ học vấn cao lại đặt ra một vấn đề khác rằng: liệu những quy định pháp luật này hay là cách chúng được tuyên truyền, phổ biến đã thực sự phù hợp với trình độ học vấn và nhận thức của phần đông dân số Việt Nam hay chưa?

Một hình thức xả rác không đúng quy định khác là đặt rác ở trước cửa nhà để nhân viên vệ sinh đến thu gom (42,5%). Hình thức này được thực hiện phổ biến nhất tại phường Hàng Bài (69,2%). Hình thức vứt rác được người dân cư trú tại quận Hoàn Kiếm thực hiện nhiều nhất chính là chờ tín hiệu đổ rác rồi mang đi đổ (67,3%) trong khi đó, với người đến quận Hoàn Kiếm làm ăn buôn bán, hình thức xả rác phổ biến nhất chính là để thành đồng ở lề/ góc đường/ngõ ngách (55,0%).

**Bảng 3. Một số nguyên nhân người dân đưa ra để giải thích cho hành vi xả rác không đúng quy định của họ**

Đơn vị: %

Xả rác không đúng nơi quy định		Không có thùng rác/ thùng rác đầy	Có thùng rác ở xa	Khu vực vắng người qua lại	Có sẵn bãi/ đồng rác	Đã quen vứt rác ở góc/lề đường đó
N =400		32,9	21,4	9,0	41,9	30
Phường	Chương Dương	20,5 15	23,3 17	8,2 6	49,3 36	26,0 19
	Hàng Mã	56,9 37	20,0 13	2,3 8	33,8 22	13,8 9
	Hàng Bài	22,9 16	20,0 14	5,7 4	1,4 29	50,0 35
Nơi cư trú	Quận Hoàn Kiếm	35,5 50	22,7 32	10,6 15	38,3 54	27,0 38
	Nơi khác	26,9 18	17,9 12	4,5 3	49,3 33	7,3 25

Nguồn: Nguyễn Thị Kim Hoa, 2014.



Nguyên nhân chủ yếu người dân đưa ra khiến họ có hành vi xả rác bừa bãi chính là do có sẵn bãi, đồng rác (41,9%), nguyên nhân “do khu vực vắng người qua lại” có tỉ lệ nhỏ nhất 9,0%. Theo khu vực phường, người dân phường Chương Dương đưa ra nguyên nhân nhiều nhất là do có sẵn đồng và bãi rác ở đó (41,9%); tại phường Hàng Mã, nguyên nhân được đưa ra nhiều nhất chính là do thiếu cơ sở vật chất (thiếu thùng rác/ thùng rác đầy) chiếm 56,9%. Điều này phù hợp với quan sát thực tế của nhóm nghiên cứu là trên đường Hàng Lược, thuộc phường Hàng Mã, chỉ có một thùng rác công cộng dọc suốt tuyến đường. Cũng cần đề ý rằng ở những mặt phố chật chội buôn bán sầm uất, người dân không đồng ý cho đặt thùng rác công cộng trước mặt tiền của căn hộ hay cửa hiệu. Điều này dường như lại có sự đồng ý của chính quyền phường vì hoạt động buôn bán nhỏ đóng góp rất lớn cho ngân sách địa phương. Ví dụ phố Hàng Điều, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội chỉ dài vài trăm mét, hoạt động buôn bán hay buôn bán vỉa hè mỗi năm nộp thuế “chính thức” gần chục tỷ đồng - nghĩa là chừng 1/3 khoản chi ngân sách địa phương cho đầu tư và phát triển của thành phố Đà Nẵng năm 2007 (Quyết định công bố công khai quyết toán ngân sách thành phố Đà Nẵng, 2008), đây là chưa kể những khoản “không chính thức”. Tại phường Hàng Bài, nguyên nhân chính được người dân đưa ra là do thói quen vứt rác ở nơi thường hay vứt (50%). Theo nơi cư trú, có thể thấy số người dân từ nơi khác đến quận Hoàn Kiếm đến làm ăn buôn bán đưa ra lí do “có sẵn đồng rác ở đó” chiếm tỉ lệ cao hơn.

Một nguyên nhân khác của thói quen xả rác ra lề phố xuất phát từ đặc thù nghề nghiệp của người dân khu vực này là kinh doanh cửa hàng, cửa hiệu hay buôn bán vỉa hè. Do diện tích nơi buôn bán chật chội, không có nơi tích rác nên người dân thường vứt rác ra lề phố “cho gọn”. Đa phần người vứt rác là những người làm thuê cho chính các cửa hàng này. Phía sau các cửa hàng buôn bán lại thường có các cụm dân cư sống tập trung. Những hộ dân này thường chứa tạm rác trong các túi nilon, chờ đến giờ thu gom thì mang ra xe rác, hoặc chờ đến tối rồi “quăng” ra lề phố. Lý do chính họ đưa ra để giải thích cho hành động này là: nhà ở sâu trong ngõ không nghe được tiếng keng của xe thu gom, hoặc khi nghe keng xách túi rác chạy ra đến mặt đường thì xe gom rác đã đi xa.

### **3. Giải pháp cải thiện nhận thức, thái độ, hành vi xả rác của người dân đô thị**

#### ***Tăng cường tuyên truyền***

Để thực hiện sự kết hợp nói trên một cách hài hòa và hợp lý không phải một nhiệm vụ dễ dàng. Như kết quả nghiên cứu đã chỉ ra, có một khoảng cách giữa ý thức người dân và hành vi của họ trong việc xả rác. Nguyên nhân là do người dân có nhận thức chưa sâu sắc về cơ chế tác động của rác thải không được xử lý đúng cách đến cuộc sống của họ cũng như chưa có hiểu biết rõ ràng về những quy định luật pháp, chế tài xử lý vi phạm đối với hành vi xả rác không đúng nơi quy định. Lúc này, vấn đề nâng cao nhận thức cho người dân càng trở thành một yêu cầu cấp thiết và công cụ tối ưu nhất để thực hiện nhiệm vụ này vẫn luôn là: tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về vấn đề xả rác.

Việc tuyên truyền có thể được thực hiện ở những nơi tập trung đông người trên địa bàn, các cơ quan đơn vị, các hộ gia đình, các điểm đặt thùng rác lớn ở các khu nhà trong

ngõ ngách. Nội dung của công tác tuyên truyền có thể bao gồm nhiều vấn đề. Trong đó, bao gồm phổ biến cho người dân một cách cụ thể về những tác hại của rác thải không được xử lý đúng cách đối với sức khỏe và đời sống sinh hoạt cũng như cần nâng cao hiểu biết của người dân về nội dung các luật, quy định liên quan đến xả rác, các chế tài, mức xử phạt đối với từng loại hành vi xả rác không đúng nơi quy định và lồng ghép giáo dục môi trường vào chương trình học chính thức. Các tổ chức môi trường và nhà trường cần có sự kết hợp chặt chẽ nhằm đưa ra những phương pháp giảng dạy có hiệu quả cao. Hình thức giảng dạy cần có nhiều tranh vẽ, giáo cụ trực quan sinh động, tăng cường các hoạt động ngoại khoá bổ ích. Đặc biệt là cần có những khuyến khích cũng như nội quy để nâng cao ý thức, hình thành thói quen phân loại, tái sử dụng, vứt chất thải rắn đúng nơi quy định ngay trong khuôn viên trường học. Một nội dung nữa cần quan tâm là tổ chức hướng dẫn cách phân loại rác thành hai loại (rác hữu cơ, rác vô cơ) và để riêng rác tái chế để bán, giảm thiểu rác bằng cách sử dụng làn hay túi vải để đi chợ thay cho nylon, sử dụng lại chai lọ để đựng nước, gia vị hay tạo thành đồ lưu niệm, trang trí. Phổ biến lợi ích của việc phân loại rác tại nguồn, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế đối với môi trường sống của người dân cũng như đối với kinh tế và xã hội cũng là một nội dung cần lưu ý trong công tác tuyên truyền.

Về hình thức tuyên truyền, bên cạnh phương thức truyền thống là các áp phích, hình ảnh, băng rôn, khẩu hiệu, bài thơ, bài hát,... sinh động, dễ hiểu, dễ nhớ vẫn được áp dụng lâu nay, cần có những sự đổi mới, học tập theo những mô hình tuyên truyền được áp dụng ở các quốc gia tiên tiến. Với nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu cũng tiến hành khảo sát hiện trạng mô hình chống xả rác tại thành phố San Jose, Hoa Kỳ và cuộc khảo sát này đã mang lại một số gợi ý khả thi cho công tác phòng chống xả rác tại Việt Nam.

Một giải pháp khác nhằm tăng cường nhận thức của người dân và thay đổi những hành vi lệch chuẩn liên quan đến xả rác là đầu tư nâng cấp các trang thiết bị hỗ trợ môi trường, điển hình là thùng rác.

### ***Tăng cường dân chủ cơ sở***

Hiệu quả của công tác tổ chức sự tham gia của cộng đồng trong bảo vệ môi trường nói chung và quản lý rác thải nói riêng phụ thuộc vào trình độ, kiến thức môi trường của cộng đồng cũng như địa vị, chức năng xã hội của cộng đồng đó. Do đó, để có được sự ủng hộ của cộng đồng, cần thực hiện nghiêm chỉnh chính sách dân chủ ở cơ sở khi soạn thảo các văn bản, triển khai các dự án. Cần phải tổ chức trung cầu ý kiến người dân, tiếp cận tìm hiểu mong muốn, nguyện vọng của người dân... để những chương trình hành động vì môi trường vừa sâu sát thực tiễn, vừa thu hút được người dân tham gia. Cần huy động sự tham gia của các tổ chức đoàn/hội như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội người cao tuổi,... cùng tham gia vào các hoạt động quản lý rác thải. Bên cạnh đó, các phong trào xây dựng gia đình văn hóa, phố văn hóa, làng văn hóa... cũng nên được phổ biến, khuyến khích rộng rãi.



### **Tăng quyền lực cộng đồng**

Tăng quyền lực cộng đồng là sự phát triển sức mạnh của cộng đồng trong xây dựng mô hình quản lý rác thải thông qua việc cơ quan quản lý khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và trao quyền tự chủ cho cộng đồng trong lĩnh vực cụ thể. Tăng cường sự kiểm soát và tiếp cận của cộng đồng trong giải quyết một vấn đề môi trường nào đó như việc sử dụng và quản lý tài nguyên sẽ tạo ra cơ hội tốt hơn cho tích lũy lợi ích kinh tế địa phương. Sự tăng cường quyền lực cũng có ý nghĩa là xây dựng nguồn lực và khả năng của cộng đồng để quản lý và giải quyết có hiệu quả những vấn đề môi trường của họ theo cách bền vững nhất. Thực tiễn cho thấy các mô hình xã hội hóa của cộng đồng quản lý rác thải sinh hoạt thành công đều cần đảm bảo các tiêu chí tạo quyền cho cộng đồng. Có 5 tiêu chí tạo quyền là:

- (i) *Dân biết*: biết quy định của pháp luật Việt Nam về sự tham gia của cộng đồng; biết phương pháp thu gom, vận chuyển rác hợp vệ sinh, được thông tin đầy đủ về hiện trạng rác thải của địa phương (thông qua các hoạt động truyền thông, tập huấn).
- (ii) *Dân bàn*: được bàn bạc về cấu trúc, tổ chức, quy mô, quy định hoạt động của mô hình, mức phí đổ rác và kế hoạch thu phí, cách sử dụng phí vệ sinh thu được.
- (iii) *Dân làm*: người dân có quyền tham gia làm việc thực hiện mô hình của cộng đồng mình.
- (iv) *Dân kiểm tra*: đại diện cộng đồng có quyền kiểm tra đánh giá hiệu quả mô hình, các khoản thu chi.
- (v) *Dân nhận*: tiền công lao động hợp lý, đồ bảo hiểm lao động đầy đủ và phù hợp, túi thuốc khi làm việc ngoài trời, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

### **4. Kết luận**

Việt Nam đang trong quá trình phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng ở nhiều lĩnh vực khác nhau với mục tiêu trở thành một quốc gia tiên tiến, văn minh, hiện đại. Đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị, quản lý hiệu quả rác thải sinh hoạt tại các thành phố lớn là một trong những tiêu chuẩn hàng đầu mà Việt Nam hướng đến trong việc hoàn thiện hình ảnh đất nước trước bạn bè quốc tế. Một hiện tượng vẫn xảy ra phổ biến tại thủ đô Hà Nội là hiện nay là hộ dân, cá nhân xả rác không đúng nơi quy định. Có sự mâu thuẫn giữa hành vi và nhận thức của người dân trong hành vi xả rác. Những người trẻ tuổi thường xả rác không đúng quy định nhiều hơn người già, những người định cư lâu dài tại Hà Nội có xu hướng xả rác đúng quy định hơn những người cư trú tạm thời.

Nguyên nhân của việc xả rác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường một phần là do người dân chưa quan tâm tới môi trường sống, những thói quen xả rác bừa bãi và hành động theo người khác làm cho môi trường ngày càng ô nhiễm hơn. Mặt khác, do công tác quản lý, cơ sở vật chất, lực lượng thu gom còn hạn chế. Việc xử phạt chưa nghiêm minh đối với hành vi xả rác thải không đúng quy định.

Trong bối cảnh đó, cần có những giải pháp phù hợp để nâng cao nhận thức của người dân đối với vấn đề rác thải, tăng cường sự tham gia của họ đối với hoạt động quản lý rác thải. Vai trò của dân chủ cơ sở là vô cùng quan trọng và có ý nghĩa trong việc tiếp

cận người dân và huy động sức dân trong các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường. Khi mà những giải pháp về siết chặt quy định, nâng mức phạt chưa thực sự mang đến những thay đổi lớn, các biện pháp mềm mỏng, mang tính khuyến khích hi vọng sẽ mang đến một luồng gió mới cho công cuộc quản lý rác thải hiệu quả tại các đô thị Việt Nam hiện nay.

### Tài liệu tham khảo

- Thụy Anh. 2014. *Xử lý chất thải rắn tại Việt Nam: Cần làm từ gốc*. Truy cập tại: <http://vea.gov.vn/vn/quanlymt/>
- Nguyễn Thị Kim Hoa và cộng sự. 2013. *Nhận thức, thái độ và hành vi xả rác của người dân đô thị Hà Nội, xây dựng giải pháp dựa trên kinh nghiệm thành phố San Jose, California, Mỹ*. Tài trợ bởi Quỹ Nafosted, Hà Nội.
- Robert B. Cialdini et al. 1990. A focus theory of Normative Conduct: Recycling the Concept of Norm to Reduce Littering in Public Places, *Journal of Personality and Social Psychology*, Vol. 58, No. 6, 1015-1026. Truy cập tại: <http://www.personal.umich.edu>
- Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. 2010. *Quyết định công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2008*. Truy cập tại: <http://www.taichinh.danang.gov.vn>